TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn."*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh Hương
2. Ông Đinh Mạnh Huy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:* bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐ-PT ngày 29/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Đình Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn HN, xã TT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình (nay là xã ĐH, tỉnh Ninh Bình), (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976; địa chỉ đăng ký cư trú: thôn HN, xã TT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình, (nay là xã ĐH, tỉnh Ninh Bình).

Nơi ở hiện nay: Chị Th đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam lần gần nhất ngày 06/02/2025. (không xác định được địa chỉ cụ thể), (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2025, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Đình Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đình Đ kết hôn với chị Nguyễn Thị Th vào ngày 16/11/2010. Anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã GT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình (nay là xã ĐH, tỉnh

Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn HN, xã GT, huyện GV, (nay là xã ĐH, tỉnh Ninh Bình), cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa Thận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2015 chị Th đi lao động xuất khẩu tại Malaysia từ đó cho đến nay. Từ khi đi cho đến nay chị Th mới về nước hai lần vào tháng 5 năm 2024 và tháng 01 năm 2025. Khi chị Th đi lao động xuất khẩu lúc đó con lớn của vợ chồng mới được 2 tuổi, con nhỏ mới 1 tuổi, các con để ở nhà một mình anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian đi lao động xuất khẩu, chị Th thỉnh thoảng có gửi tiền về cho các cháu ăn học và thỉnh thoảng có điện thoại về cho các cháu. Anh Đ điện thoại khuyên bảo chị Th về Việt Nam để làm ăn cùng nhau nuôi dạy các con, nhưng chị Th không nghe. Do chị Th đi lao động xuất khẩu đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, lần gần đây nhất chị Th về Việt Nam vào cuối tháng 01 năm 2025 (đợt tết âm lịch 2025 vừa qua) vợ chồng trao đổi, nói chuyện để chị Th ở nhà làm ăn nuôi dạy các con, nhưng chị Th không nghe, vẫn cương quyết tiếp tục đi sang Malaysia và không ở lại Việt Nam để cùng anh Đ chăm sóc nuôi các con, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm cãi nhau, chị Th tuyên bố sang đó làm ăn, không về Việt Nam. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và đã viết Đơn yêu cầu giải quyết về việc công nhận Thận tình ly hôn và để đơn ở nhà, sau đó ngày 06/02/2025 chị Th đi sang Malaysia. Anh Đ có hỏi địa chỉ cụ thể ở Malaysia của chị Th, nhưng chị Th không nói mà chỉ nói là đang ở Malaysia. Thực sự hai người sống ly thân nhau đã lâu 10 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn. Anh Đ xác định tình cảm giữa anh Đ và chị Th không còn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: anh Đ và chị Th có 02 con chung là cháu Phạm Đoan Tr, sinh ngày 19/07/2012 và cháu Phạm Đình Bảo Kh, sinh ngày 01/01/2014, hiện nay cả 2 con vẫn đang ở với anh Đ và đang học tại trường THCS GT. Từ khi chị Th đi lao động xuất khẩu năm 2015 cho đến nay cả 02 con đều do anh Đ chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của anh Đ xin được chăm sóc nuôi dưỡng cả 2 con. Anh Đ không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Th tự nguyện cấp dưỡng cho các con bao nhiêu là tùy chị Th.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh Đ chị Th có 01 Thửa đất số 2542, tờ bản đồ số 3, diện tích 130m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên 2 vợ chồng. Anh Đ và chị Th cũng đã thỏa thuận để cho hai con. Sau này các cháu đủ tuổi thì anh chị sẽ làm thủ tục cho các cháu. Do vậy, anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th: nơi cư trú trước khi xuất cảnh của chị Th ở thôn HN, xã TT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình, (nay là xã ĐH, tỉnh Ninh Bình); Nơi ở hiện nay: chị Th đang sinh sống tại Malaysia, (nhưng không xác định được địa

chỉ cụ thể).

Tại Văn bản số 149/XNC-Đ1 ngày 04/03/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Ninh Bình cung cấp như sau: chị Nguyễn Thị Th sinh ngày 11/5/1976, Căn cước công dân số 037176011591, hộ chiếu số Q00324187 đã xuất cảnh lần gần nhất ngày 06/02/2025 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, thành phố Hà Nội, hiện nay chưa có thông tin chị Nguyễn Thị Th nhập cảnh về nước.

Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2025 tạ UBND xã TT (nay là xã ĐH, tỉnh Ninh Bình) cung cấp: anh Phạm Đình Đ và chị Nguyễn Thị Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GV cũ, sau khi kết hôn anh Đ, chị Th sinh sống tại thôn HN, xã GT. Anh Đ và chị Th có 02 con chung, cháu lớn sinh năm 2012 và cháu nhỏ sinh năm 2014. Cuộc sống vợ chồng anh Đ chị Th mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không rõ. Hiện tại chị Th đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài tại Malaysia từ năm 2015 cho đến nay, địa chỉ cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không rõ, hộ khẩu của chị Th vẫn ở thôn HN. Hai con của anh Đ và chị Th hiện nay đang ở với anh Đ. Nay anh Đ làm đơn ly hôn chị Th quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 11/6/2025 và ngày 30/6/2025 bà Đinh Thị Ch (là mẹ đẻ chị Th) trình bày: chị Nguyễn Thị Th là con gái bà kết hôn với anh Phạm Đình Đ quê xã GT, GV, Ninh Bình. Sau khi kết hôn chị Th sinh sống tại quê chồng, anh Đ chị Th có 02 con chung. Cuộc sống vợ chồng anh Đ, chị Th mâu thuẫn như thế nào bà Ch không biết. Chị Th đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài từ năm 2015, hiện nay vẫn chưa về Việt Nam, chị Th thường xuyên có điện thoại liên lạc về cho bà hỏi thăm sức khỏe, địa chỉ cụ thể của chị Th như thế nào bà Ch không biết. Chị Th có nói là anh Đ và chị Th mâu thuẫn, hiện nay anh Đ làm đơn xin ly hôn chị Th là tùy các anh chị, đó là việc riêng của anh chị, bà Ch không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản trình bày ý kiến ngày 30/5/2025 của cháu Phạm Đoan Tr, sinh ngày 19/07/2012 và cháu Phạm Đình Bảo Kh, sinh ngày 01/01/2014 trình bày như sau: chúng cháu là con đẻ của bố Phạm Đình Đ và mẹ Nguyễn Thị Th, hiện nay các cháu học đang học tại trường THCS GT. Chúng cháu đang ở cùng với bố Đ tại thôn HN, xã TT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Hiện nay mẹ Nguyễn Thị Th đang đi lao động ở nước ngoài, mẹ đã đi từ lâu lúc đó chúng cháu còn bé nên không biết vào năm nào, chỉ biết mẹ đã đi từ lâu, từ khi mẹ đi chúng cháu ở nhà với bố, thỉnh thoảng mẹ có điện thoại về nói chuyện với chúng cháu. Tết âm lịch năm 2025 vừa qua mẹ có về, chúng cháu bảo mẹ ở nhà với chúng cháu nhưng mẹ không ở, xong tết mẹ lại đi, hiện nay mẹ không có ở nhà. Chúng cháu mong muốn mẹ về không đi nước ngoài nữa, để bố mẹ ở cùng nhau nuôi chúng cháu, nếu mẹ vẫn không về, bố mẹ không ở với nhau mà ly hôn thì chúng cháu xin vẫn được ở

với bố Phạm Đình Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 37, 40, 147, 227, 228, 469, 470, 476, 471, 474, 477, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đình Đ. Xử anh Phạm Đình Đ ly hôn chị Nguyễn Thị Th; Về con chung: Giao cháu Phạm Đoan Tr, sinh ngày 19/07/2012 và cháu Phạm Đình Bảo Kh, sinh ngày 01/01/2014 cho anh Phạm Đình Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và công nợ: anh Đ không yêu cầu giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Phạm Đình Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn anh Phạm Đình Đ, địa chỉ: thôn HN, xã Gia TT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình, (nay là xã ĐH, tỉnh Ninh Bình).

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th, có quốc tịch Việt Nam; chị Th hiện đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam lần gần nhất vào ngày 06/02/2025 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, thành phố Hà Nội. Trước khi xuất cảnh địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị Th ở thôn HN, xã Gia TT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình, (nay là xã ĐH, tỉnh Ninh Bình). Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị Th, mà không cung cấp được địa chỉ của chị Th ở nước ngoài, chỉ biết chị Th đang ở Malaysia. Anh Đ, chị Th chỉ liên lạc với nhau qua

điện thoại.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th hiện vắng mặt tại nơi cư trú. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho thân nhân của chị Th và tiến hành xác minh làm việc với thân nhân gia đình của chị Th, (bà Đinh Thị Ch là mẹ đẻ của chị Th) xác nhận hiện nay chị Th vẫn đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài (tại Malaysia), chị Th vẫn thường xuyên gọi điện thoại liên lạc về với gia đình cho bà Ch, nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể, nên bà Ch không biết được địa chỉ chính xác của chị Th ở đâu để cung cấp cho Tòa án được, bà Ch thông báo cho chị Th biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đang thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ. Tòa án xác minh tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của chị Th và đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa (lần thứ nhất); Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến phiên tòa (lần hai). Đồng thời Tòa án đăng Thông báo về việc thụ lý vụ án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và đăng tin Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trên kênh Ban đối ngoại (VOV5 - nước ngoài) Đài tiếng nói Việt Nam (trong 03 ngày từ ngày 18, 19 và ngày 20/7/2025) để cho chị Th biết và đến Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình để giải quyết vụ việc ly hôn giữa anh Phạm Đình Đ và chị Nguyễn Thị Th. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến quan điểm của chị Th đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Chị Th không đến Tòa án để tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Đình Đ và chị Nguyễn Thị Th được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã GT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. (nay là xã ĐH, tỉnh Ninh Bình). Hôn nhân giữa anh Phạm Đình Đ và chị Nguyễn Thị Th là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2015 chị Th đi xuất khẩu lao động tại Malaysia từ đó đến nay. Hiện tại chị Th đang làm ăn sinh sống tại Malaysia, vợ chồng sống ly thân đã lâu 10 năm nay, không ai quan tâm đến ai, trên thực tế cuộc sống gia đình và quan hệ vợ chồng giữa anh Đ và chị Th là không còn, vì vậy khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có. Tết năm 2025 chị Th có về Việt Nam chơi sau đó lại đi. Trước khi chị Th đi sang nước ngoài lần gần đây nhất ngày 06/02/2025 chị Th và anh Đ có viết đơn yêu cầu giải quyết về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn

Thị Th và anh Phạm Đình Đ, chứng tỏ chị Th và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể chung sống với nhau được nữa.

Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị Th không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Đình Đ là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Đình Đ.

[2.2]. Về con chung: anh Đ, chị Th có hai con chung là cháu Phạm Đoan Tr, sinh ngày 19/07/2012 và cháu Phạm Đình Bảo Kh, sinh ngày 01/01/2014. Từ khi chị Th đi nước ngoài năm 2015 cho đến nay các cháu đều đang ở cùng với anh Đ chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con.

Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại chị Th đang làm ăn, sinh sống tại Malaysia chưa về nước, Thực tế từ khi chị Th đi nước ngoài cả hai cháu Tr và cháu Kh đều do anh Đ chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, việc anh Đ đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con là có căn cứ. Vì vậy, cần giao cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai cháu Phạm Đoan Tr và cháu Phạm Đình Bảo Kh là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Th không trực tiếp nuôi con, có quyền đi lại thăm con chung và có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: anh Đ không yêu cầu chị Th cấp dưỡng, còn việc chị Th tự nguyện cấp dưỡng cho các con bao nhiêu là tùy chị Th. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung: anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Đình Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82,

Điều 83, Điều 84, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đình Đ về việc "Ly hôn tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với chị Nguyễn Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Phạm Đình Đ và chị Nguyễn Thị Th. Hôn nhân giữa anh Phạm Đình Đ và chị Nguyễn Thị Th chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đoan Tr, sinh ngày 19/07/2012 và cháu Phạm Đình Bảo Kh, sinh ngày 01/01/2014 cho anh Phạm Đình Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai cản trở thực hiện quyền này; khi cần các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh Phạm Đình Đ không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ: Anh Phạm Đình Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Đình Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Phạm Đình Đ đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000090 ngày 15/4/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử sơ thẩm công khai anh Phạm Đình Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6 Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THA-DS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GĐKT, TT &THA;
- UBND xã ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu HCTP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Trần Thị Sâm